TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST
Ngày 18 tháng 7 năm 2022
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hải Yến.

2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/2022/TB-TA ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đồng Xuân S, sinh năm 1968 và chị Đặng Thị T, sinh năm 1971; đều có địa chỉ: Số nhà 232, tổ M (tổ M cũ), thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Cao Xuân Q, sinh năm 1972 và chị Phạm Thị Hương N, sinh năm 1975; đều có địa chỉ: Số nhà 357, tổ M (tổ M cũ), thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

(Anh S, chị T, chị N có mặt, anh Q vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đồng Xuân S và chị Đặng Thị T trình bày***:

Ngày 13 tháng 7 năm 2019 vợ chồng anh chị cho anh Cao Xuân Q và chị Phạm Thị Hương N vay số tiền 750.000.000 đồng, không thỏa thuận việc trả lãi, vợ chồng chị N có viết giấy vay tiền, ký xác nhận và thỏa thuận hạn trả tiền đến ngày 13 tháng 11 năm 2019. Ngày 11 tháng 12 năm 2019, anh Q và chị N đã trả cho anh chị số tiền gốc là 400.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 350.000.000 đồng. Hai bên thống nhất viết lại giấy vay nợ nhưng lúc đó anh Q đi làm ăn xa nên chỉ có chị N là người ký phần người vay và có thỏa thuận lãi suất tính theo lãi suất Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Vũ Thư. Sau đó việc làm ăn của vợ chồng anh Q, chị N vẫn khó khăn nên chị N có đến gặp vợ chồng anh chị xin cho vợ chồng chị N được nợ lại số tiền nợ gốc, chị N sẽ có trách nhiệm trả lãi mỗi tháng 3.500.000 đồng, anh chị đồng ý. Việc trả lãi được duy trì từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 5 năm 2021 chị N không thực hiện việc trả nợ lãi cho vợ chồng anh chị.

Lý do có nhiều giấy vay tiền vào các ngày 13 tháng 7 năm 2019, ngày 11 tháng 12 năm 2019, ngày 11 tháng 7 năm 2020, 01 tháng 12 năm 2020 và ngày 20 tháng 5 năm 2021 vì vợ chồng anh chị cùng chị N thỏa thuận mỗi năm viết giấy vay nợ hai lần nhưng thực chất đây là khoản nợ cũ còn lại từ năm 2019. Sau khi viết giấy vay nợ mới anh chị không hủy các giấy vay tiền trước đó đi. Anh chị khẳng định chữ ký và chữ viết tại phần người vay của giấy vay tiền ngày 13 tháng 7 năm 2019 là của anh Cao Xuân Q và chị Phạm Thị Hương N. Chữ ký và chữ viết tại phần người vay của các giấy vay tiền còn lại là của chị Phạm Thị Hương N. Do anh Q và chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, anh chị khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Q, chị N phải trả cho anh chị số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và số tiền lãi tính theo lãi suất Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn thời điểm năm 2021 là 9%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 01 tháng 6 năm 2021 đến ngày 18 tháng 7 năm 2022 là 35.700.000 đồng. Sau ngày xét xử anh Q và chị N phải tiếp tục chịu lãi theo lãi suất hai bên đã thỏa thuận đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ vay.

**** Tại bản tự khai của bị đơn chị Phạm Thị Hương N trình bày:***

Chị và anh Cao Xuân Q đăng ký kết hôn vào năm 1996 tại UBND thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Năm 2009, vợ chồng chị mở công ty TNHH H, kinh doanh mặt hàng nhôm, sắt. Thời gian đầu công việc làm ăn thuận lợi, phát triển tốt. Đến năm 2019, công việc kinh doanh của vợ chồng chị gặp khó

khăn, phải đi vay mượn để tiếp tục duy trì. Do mối quan hệ thân thiết trong làm ăn. Ngày 13 tháng 7 năm 2019, anh Đồng Xuân S và chị Đặng Thị T cho vợ chồng chị vay số tiền 750.000.000 đồng, không thỏa thuận việc trả lãi, có viết giấy vay tiền. Chị và chồng chị là anh Cao Xuân Q đều ký và ghi họ tên vào trong giấy vay tiền.

Ngày 11 tháng 12 năm 2019, vợ chồng chị trả cho anh Đồng Xuân S và chị Đặng Thị T số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng, còn nợ lại 350.000.000 đồng, có thỏa thuận trả lãi theo lãi suất ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Vũ Thư. Do thời điểm đó anh Cao Xuân Q đã đi làm ăn xa nhà nên chị là người ký phần người vay tại giấy vay tiền với vợ chồng anh S, chị T.

Sau đó việc làm ăn của vợ chồng chị vẫn khó khăn, chưa có điều kiện trả nợ gốc cho vợ chồng anh S, chị T. Chị đến gặp anh S, chị T xin cho vợ chồng chị được nợ lại số tiền nợ gốc, chị sẽ có trách nhiệm trả lãi mỗi tháng 3.500.000 đồng cho anh S, chị T, anh S, chị T đồng ý. Việc trả lãi được duy trì đến tháng 5 năm 2021. Sau đó do dịch bệnh, anh Cao Xuân Q không gửi tiền về cho chị để trả nợ nên chị không thực hiện được việc trả nợ lãi cho vợ chồng anh S, chị T. Chị không thực hiện việc trả lãi cho vợ chồng anh S, chị T từ cuối tháng 5 năm 2021 đến nay.

Lý do có nhiều giấy vay tiền vào các ngày 13 tháng 7 năm 2019, 11 tháng 12 năm 2019, ngày 11 tháng 7 năm 2020, 01 tháng 12 năm 2020 và ngày 20 tháng 5 năm 2021 vì chị cùng anh S, chị T thỏa thuận mỗi năm viết giấy vay nợ hai lần nhưng thực chất đây là khoản nợ cũ còn lại từ năm 2019. Sau khi viết giấy vay nợ mới chị không yêu cầu anh Sơn, chị Thủy hủy các giấy vay tiền trước đó đi.

Chị khẳng định chữ ký và chữ viết tại phần người vay của giấy vay tiền ngày 13 tháng 7 năm 2019 là của chị và anh Cao Xuân Q. Chữ ký và chữ viết tại phần người vay của các giấy vay tiền còn lại là của chị. Thời điểm viết các giấy vay tiền này anh Q đang đi làm ăn ở Bình Dương nên chỉ có mình chị ký tên mục người vay. Họ tên đầy đủ của chị theo giấy tờ tùy thân là Phạm Thị Hương N nhưng tại giấy vay tiền chị chỉ ghi Phạm Thị N. Chị nghĩ đơn giản chỉ cần chữ ký và chữ viết của chị tại phần người vay là được không cần cầu kỳ. Chị khẳng định đây đúng là chữ ký và chữ viết của chị. Số tiền nợ gốc còn lại 350.000.000 là khoản nợ chung của chị và anh Cao Xuân Q (chồng chị) vì số tiền này sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế trong gia đình anh chị trong thời kỳ hôn nhân. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị nhất trí, đề nghị anh S, chị T cho chị được trả dần số nợ trên.

**** Bị đơn anh Cao Xuân Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không trình bày quan điểm.***

**** Tại biên bản xác minh, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Vũ Thư, tỉnh Thái Bình cung cấp như sau:*** Thời điểm tháng 5, tháng 6 năm 2021 lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam dao động từ 9% đến 9,8%/1 năm.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; anh Sơn, chị Thủy, chị Nhài tuân thủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Quý không tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng các Điều 463; Điều 466, Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Q, chị N phải trả cho anh S, chị T toàn bộ số tiền gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận của các bên từ tháng 6 năm 2021 cho đến thời điểm hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Về án phí: Anh Q, chị N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Đồng Xuân S và chị Đặng Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Cao Xuân Q, chị Phạm Thị Hương N phải trả cho anh S, chị T số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận. Anh Cao Xuân Q, chị Phạm Thị Hương Ncư trú tại thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Anh Cao Xuân Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Quý.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Do có mối quan hệ thân thiết trong làm ăn nên ngày 13 tháng 7 năm 2019, anh Đồng Xuân S và chị Đặng Thị T có cho vợ chồng anh Cao Xuân Q và chị Phạm Thị Hương N vay số tiền 750.000.000 đồng, không thỏa thuận việc trả lãi, có viết giấy vay tiền có chữ ký của anh Q, chị N và hẹn đến ngày 13 tháng 11 năm 2019 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền cho vợ chồng anh S, chị T. Ngày 11 tháng 12 năm 2019 vợ chồng anh Q, chị N đã trả cho vợ chồng anh S, chị T số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng, còn nợ lại 350.000.000 đồng, có thỏa thuận việc trả lãi theo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Thời điểm đó, anh Q đi làm ăn xa nên chị N là người ký phần người vay tại giấy vay tiền với anh S, chị T. Sau đó công việc làm ăn của của anh Q, chị N vẫn khó khăn, chưa có khả năng trả nợ nên chị N đến gặp vợ chồng anh S, chị T xin cho chị N được nợ lại số tiền nợ gốc, chị N sẽ có trách nhiệm trả lãi mỗi tháng là 3.500.000 đồng và được vợ chồng anh S, chị T đồng ý. Việc trả lãi được duy trì đến tháng 5 năm 2021 thì dừng lại vì việc làm ăn của anh Q khó khăn, không gửi tiền về cho chị N trả nợ. Giữa anh S, chị T và chị N có nhiều giấy vay tiền tuy nhiên đây đều là khoản nợ cũ còn lại từ năm 2019, các bên thỏa thuận 06 tháng viết một giấy vay tiền mới và không hủy các giấy vay tiền trước đó đi. Giấy vay tiền lần cuối cùng chị N viết là ngày 20 tháng 5 năm 2021, thể hiện số tiền vay là 350.000.000 đồng và thỏa thuận theo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Vũ Thư. Thời hạn trả nợ là ngày 20 tháng 9 năm 2021. Anh Cao Xuân Q không có lời trình bày tại Tòa án, tuy nhiên anh S, chị T và chị N đều thừa nhận đây là khoản nợ cũ từ năm 2019 của vợ chồng anh Q, chị N, trong thời kỳ hôn nhân và phục vụ cho việc kinh doanh chung của vợ chồng anh chị.

Xét thấy thỏa thuận vay tiền giữa vợ chồng anh S, chị Tvà anh Q, chị N là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Do các bên có thỏa thuận về lãi nên đây được xác định là khoản nợ vay có thời hạn và có lãi. Đến nay, đã quá thời hạn vay theo thỏa thuận nhưng anh Q, chị N chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận cho vợ chồng anh S, chị T.

Do đó căn cứ vào các Điều 463; 466; 468 và 470 Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Q, chị N phải trả cho anh S, chị T toàn bộ số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và số tiền lãi với lãi suất 9%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 01 tháng 6 năm 2021 đến ngày 18 tháng 7 năm 2022 là 35.700.000 đồng. Kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2022, anh Q, chị N phải tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đồng Xuân S và chị Đặng Thị T. Buộc anh Cao Xuân Q và chị Phạm Thị Hương N phải trả cho anh Đồng Xuân S và chị Đặng Thị T số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm lăm mươi triệu đồng) và số tiền lãi tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2021 đến ngày 18 tháng 7 năm 2022 là 35.700.000 đồng. Kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2022, anh Cao Xuân Q và chị Phạm Thị Hương N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Cao Xuân Q và chị Phạm Thị Hương N phải nộp 19.285.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Trả lại cho anh Đồng Xuân S và chị Đặng Thị T số tiền 9.300.000 đồng (Chín triệu ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001108 ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Đồng Xuân S, chị Đặng Thị T, chị Phạm Thị Hương N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 18 tháng 7 năm 2022. Anh Cao Xuân Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

"*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án

Nguyễn Thị Xuân Huyền